

Bản án số: 46/2022/HS-ST
Ngày: 27/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Xuân Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Duy Tuần

Ông Triệu Ngọc Vạn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HS, ngày 12/12/2022, đối với:

Bị cáo: T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị L; chồng Bùi Ngọc Q và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 - Trú tại: Thôn Giâm Me, xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (Có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Ngọc Q, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn 3, xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (Có mặt)

4. Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1976 (Vắng mặt)
- Chị Nguyễn Thị Thanh H (Có mặt).
- Anh Bùi Văn D, sinh năm 1978 (Có mặt).
- Chị Cao Thị T, sinh năm 1994 (Vắng mặt).
- Chị Trần Thị T, sinh năm 1985 (Vắng mặt).
- Chị Bùi Thị N, sinh năm 1993 (Vắng mặt).
- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

- Ông Bùi Văn S, sinh năm 1968 (Vắng mặt).
- Anh Đặng Phước Đ, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chị H mở quầy thuốc tại nhà ở của mình từ năm 2001 để bán lẻ thuốc, có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Dược cấp lần đầu năm 2017, tên cơ sở kinh doanh là “Quầy thuốc số 02 - chi nhánh công ty cổ phần dược, vật tư y tế Hải Dương tại huyện Ninh Giang”, chị H là người đứng tên và chịu trách nhiệm chuyên môn về Dược tại quầy thuốc.

Tháng 03/2019, T có đến học việc và phụ giúp bán thuốc tại quầy thuốc của chị H, chị H đồng ý và trả lương theo tháng, không ký kết hợp đồng lao động. Tại quầy thuốc chỉ có chị H và T làm việc, khi có khách hàng đến mua thuốc thì chị H sẽ kê thuốc, hướng dẫn T lấy thuốc, ghi cách sử dụng và thu tiền của khách rồi T tự để tiền vào tủ tiền trong ngăn tủ, nếu khách hàng đưa thừa tiền thì T tự lấy tiền trong tủ trả lại cho khách hàng. Một số thuốc thực phẩm chức năng và các sản phẩm (*khẩu T, nước súc miệng, lăn lách, son môi ...*) thì chị H cho phép T tự bán, còn những thuốc khác phải do chị H lên đơn thuốc. Thời gian làm việc của T từ 07 giờ - 11 giờ và từ 13 giờ 30 phút đến 18 giờ hàng ngày. Chị H và T thống nhất hàng ngày khi T đến thì chị H sẽ đưa cho T khoảng 1,5 - 02 triệu đồng, gồm nhiều loại tiền mệnh giá khác nhau để T sử dụng khi bán hàng (*trả lại tiền thừa khi khách hàng đưa tiền mệnh giá cao hơn số tiền phải thanh toán*), số tiền này để vào trong tủ ở quầy thuốc. T ghi vào quyển sổ để tại quầy thuốc số tiền được bàn giao, khi bán hàng được bao nhiêu tiền thì T cũng ghi vào quyển sổ trên. Việc ghi chép số tiền chị H đưa và tiền bán thuốc không ghi xuyên, có hôm ghi, hôm không. Công việc hàng ngày, T trông coi quầy thuốc và tủ tiền đến khi ra về thì bàn giao lại cho chị H, chị H kiểm đếm tiền trong tủ, thuốc tại quầy và đối chiếu với số liệu T ghi trong sổ rồi mang tiền cất đi, giữa T và chị H không có ý kiến thắc mắc gì. Do chị H không còn đủ khả năng trả lương cho T và T có việc riêng gia đình nên chị H đã cho T nghỉ việc. Đến hết ngày 30/4/2022, T nghỉ việc tại nhà chị H, trước khi nghỉ việc giữa T và chị H đã kiểm kê thuốc và các vấn đề có liên quan để bàn giao lại cho chị H. Chị H không có ý kiến thắc mắc gì, không tố cáo T trộm cắp tài sản nào của chị H.

Đến sáng ngày 25/5/2022, T điều khiển xe đạp điện đến quầy thuốc của chị H chơi và bán thuốc giúp chị H. Trong quá trình bán thuốc và nhận tiền của khách hàng trả khi mua thuốc, T cất tiền vào tủ tiền của chị H thì T thấy có nhiều tiền bên trong tủ tiền nên lúc này T nảy sinh ý định trộm cắp tiền của chị H. Vào khoảng 08 giờ 46 phút ngày 25/5/2022 T thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) gồm 02 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) và 02 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) trong tủ

tiền của chị H rồi cất vào bên trong áo ngực của T đang mặc. Đến khoảng 09 giờ 57 phút ngày 25/5/2022, T tiếp tục lợi dụng việc cất tiền khách hàng trả tiền mua thuốc vào trong tủ tiền của chị H rồi thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*) gồm 04 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) của chị H rồi tiếp tục để số tiền trộm cắp được vào trong áo ngực của T. Tổng số tiền T trộm cắp được của chị H vào ngày 25/5/2022 là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), T đã sử dụng số tiền trộm cắp được chi tiêu cho bản thân hết 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), còn 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) T để trong cốp xe đạp điện của T. Sau khi T ra về chị H kiểm đếm lại tiền để trong tủ tiền tại quầy thuốc thì phát hiện bị mất trộm số tiền là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) nên chị H nghi ngờ T là người lấy trộm (*do sáng cùng ngày chị Nguyễn Thị Hương kiểm đếm tiền để vào tủ tiền trong hiệu thuốc nên biết bị thiếu tiền và chị H xem lại camera trong quầy thuốc thì xác định có 02 lần T lấy trộm tiền của mình*).

Ngày 27/5/2022, chị H bảo T xuống giúp chị H xóa các đơn thuốc cũ trên máy vi tính của quầy thuốc, do chị H ít sử dụng nên chưa thành thạo và T đồng ý. Tối ngày 27/5/2022, chị H đã chụp ảnh số seri của một số tờ tiền trong tủ tiền của mình, đến sáng ngày 28/5/2022 T điều khiển xe đạp điện đến hiệu thuốc của chị H để hướng dẫn chị H sử dụng máy tính (*do trước chủ yếu T là người sử dụng máy tính này*) chứ chưa có ý định trộm cắp tiền của chị H. Khi T đến quầy thuốc một lúc thì chị H đưa thợ lên tầng trên nhà chị H để sửa máy giặt bị hỏng nên T bán thuốc giúp chị H. Đến khoảng 08 giờ 46 phút ngày 28/5/2022, trong khi cất tiền thuốc mà khách hàng trả vào trong tủ đựng tiền, T thấy có nhiều tiền và lợi dụng chị H không có mặt tại quầy thuốc nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền của chị H. T đã trộm cắp tiền của chị H gồm các tờ tiền có mệnh giá khác nhau, T không đếm là bao nhiêu tiền, T cầm ở trong lòng bàn tay trái rồi cất tiền trộm cắp được vào túi quần phía trước bên trái của T. T ở trong quầy thuốc một lúc thì đi ra phía trước quầy thuốc mở cốp xe đạp điện của T dựng ở đó rồi để toàn bộ số tiền vừa trộm cắp được vào trong cốp xe cùng với số tiền 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) là tiền T trộm cắp vào ngày 25/5/2022 của chị H còn lại, T khóa cốp xe đạp điện lại rồi tiếp tục đi vào trong quầy thuốc bán thuốc cho chị H. Lúc này chị H xem camera gắn trong hiệu thuốc thì phát hiện T có biểu hiện trộm cắp tiền trong tủ tiền của mình nên chị H tiến hành kiểm đếm lại tiền trong tủ đựng tiền, xác định bị thiếu tiền. Chị H hỏi thì T thừa nhận đã trộm cắp tiền của chị H. Sau đó chị H yêu cầu T ra mở cốp xe máy điện của T dựng trước cửa quầy thuốc và phát hiện bên trong cốp xe có tổng số tiền 4,462.000 đồng (*Bốn triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng*). T thừa nhận số tiền nêu trên là tiền mà T đã trộm cắp trong tủ tiền tại quầy thuốc của chị H, trong đó có 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) là số tiền còn lại trong tổng số 1.000.000 đồng T đã trộm cắp vào ngày 25/5/2022 (*T đã chi tiêu cá nhân hết*

300.000 đồng). Đối chiếu với bản ảnh chị H chụp số tiền mà chị H để vào trong tủ tiền thì trong số tiền mà T đã trộm cắp được có 02 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng, chín tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng và 04 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng có số seri trùng nhau. Chị H bỏ số tiền 4.450.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) vào phong bì thư dán kín, yêu cầu T ký tên giáp lai. Quá trình ngồi nói chuyện, chị H yêu cầu T kê khai số tiền mà T đã trộm cắp được và bồi tH cho chị H, tuy nhiên hai bên không đi đến thống nhất. Chị H làm đơn tố cáo hành vi trộm cắp tài sản của T và gửi kèm theo phong bì chứa số tiền nêu trên đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Ninh Giang. Số tiền 12.000 đồng chị H nghĩ là số tiền lẻ nên bỏ riêng ra ngoài để vào trong tủ kính, ngày 06/6/2022, chị H giao nộp số tiền trên cho cơ quan điều tra. Tổng số tiền mà T trộm cắp được của chị H vào ngày 25/5/2022 và ngày 28/5/2022 là 4.762.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Tại Bản kết luận giám định số 147/KLGD-TL ngày 22/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương xác định: Toàn bộ số tiền gửi giám định là tiền thật. Tại Bản kết luận giám định số 5200/KL-KTHS ngày 11/8/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file video gửi giám định.

Cáo trạng số 42/CT-VKSNG ngày 10/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, công nhận Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang là đúng và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo xin rút toàn bộ đơn cung cấp chứng cứ đã nộp trong quá trình chuẩn bị xét xử; không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự và xin cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Đại diện VKSND huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt: Bị cáo T từ 07 (Bảy) đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho bị hại số tiền 4.462.000 đồng Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ninh Giang, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và trong quá trình Tòa án chuẩn bị xét xử, bị hại có đơn cung cấp chứng cứ và yêu cầu điều tra về số tiền mất và thuộc do bị cáo chiếm đoạt, tại phiên tòa bị hại xin rút toàn bộ yêu cầu nêu trên; bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, HĐXX xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan, người chứng kiến, biên bản xác định hiện trường, hình ảnh camera, các vật chứng và chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Sáng ngày 25/5/2022 tại quầy thuốc của chị H, sinh năm 1980 ở thôn Giâm Me, xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, T là người được chị H thuê trông coi quầy thuốc và bán thuốc cho khách, sau khi cất tiền do khách hàng mua thuốc trả vào tủ tiền ở quầy thuốc, T đã nảy sinh ý định và có hành vi trộm cắp số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) để trong tủ tiền tại quầy thuốc của chị H. Tiếp theo, vào sáng ngày 28/5/2022, T tiếp tục trộm cắp số tiền 3.762.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) của chị H. Tổng số tiền T trộm cắp được của chị H vào ngày 25/5/2022 và ngày 28/5/2022 là 4.762.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng*). Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, làm mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, gây tâm lý bức xúc trong nhân dân, do vậy cần phải xem xét xử lý trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi, hậu quả do việc phạm tội của bị cáo gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tích cực tự nguyện bồi tH thiệt hại cho bị hại; tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi tH gì thêm và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về quyết định hình phạt: Xét thấy bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vì vậy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo để tự cải tạo, dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương nơi cư trú.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T cùng gia đình đã tự nguyện bồi tH cho bị hại số tiền 400.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu gì thêm, HĐXX không xem xét giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với xe đạp điện màu đen bị cáo sử dụng để đi đến quầy thuốc của chị H không phải phương tiện, công cụ để T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, ngày 22/8/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Ninh Giang đã trả lại xe đạp điện nêu trên cho T là có căn cứ. Trả lại cho bị hại tài sản do bị cáo chiếm đoạt là số tiền 4.462.000 đồng (*Bốn triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

[11] Ngoài hành vi bị cáo trộm cắp tiền vào ngày 25/5/2022 và ngày 28/5/2022, bị hại còn đề nghị xử lý bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản tiền và thuốc tổng cộng là 1.400.000.000 đồng, tuy nhiên trong quá trình điều tra xác định không có căn cứ, mặt khác tại phiên tòa bị hại đã rút lại toàn bộ yêu cầu nêu trên, do vậy HĐXX không xem xét.

[12] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo T 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị hại số tiền 4.462.000 đồng (*Bốn triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

(Vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/11/2022 giữa Công an huyện Ninh Giang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Giang).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo những phần có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQ CSĐT Công an huyện Ninh Giang;
- CQ THAHS Công an huyện Ninh Giang;
- Bộ phận HSNV Công an huyện Ninh Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- UBND xã Tân Hương, huyện Ninh Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Xuân Trường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Xuân Trường

